TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thùy Trang
2. Ông Trịnh Chí Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mộng B, sinh năm 1981 (xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lê Minh H, sinh năm 1980 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Mộng B trình bày:

Về hôn nhân: Chị B và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Qúa trình chung sống do bất đồng quan điểm, chung sống không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân với nhau. Chị B xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có hai người con chung là Lê Anh T, sinh ngày 29/10/2000 và Lê Hoàng Q, sinh ngày 19/9/2003, hiện các con đã trưởng thành, chị B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh Lê Minh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị B tự nguyện chung sống với nhau năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống do chị B đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương, sau đó về ly hôn với anh. Anh mong muốn các con có đầy đủ tình thương của cha mẹ nên anh không đồng ý ly hôn với chị B

Về con chung: Có hai người con chung là Lê Anh T, sinh ngày 29/10/2000 và Lê Hoàng Q, sinh ngày 19/9/2003, hiện các con đã trưởng thành, có khả năng tự lao động để nuôi sống mình nên anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị B yêu cầu ly hôn với anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Chị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ nhất chị B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị B và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động để nuôi sống mình, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị B phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị B đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Mộng B

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Mộng B với anh Lê Minh H là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ngày 31/01/2023 chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003330 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn